

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
KHU VỰC 5 - HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2025/HNGĐ-ST  
Ngày 12-8-2025  
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con  
khi ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - HẢI PHÒNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà Đào Thị Hào

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Lê Anh Tuấn

Bà Hoàng Thị Chính

***- Thư ký phiên toà:*** Ông Đinh Hữu Hào - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 5 - Hải Phòng.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Hải Phòng tham gia Phiên toà:*** Bà Lương Quỳnh Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 33/2025/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2025 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Chị Phạm Thị Minh T; nơi cư trú: Đường C, phường P, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

***- Bị đơn:*** Anh Phạm Văn P; nơi cư trú: Đường C, phường P, thành phố Hải Phòng; có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 22 tháng 4 năm 2025, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Phạm Thị Minh T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Năm 2014, chị Phạm Thị Minh T và anh Phạm Văn P kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được sự đồng ý của hai bên gia đình, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương và có đăng ký kết hôn ngày

06/4/2005 tại Ủy ban nhân dân phường Bắc Sơn, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2024 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, lối sống, tính cách không hoà hợp dẫn đến thường xuyên cãi nhau. Hai bên gia đình đã khuyên ngăn hòa giải nhưng không có kết quả. Anh chị hiện đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau về tình cảm và kinh tế. Đến nay, xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh P.

- Về con chung: Chị T và anh P có 02 con chung là Phạm Thị Huyền Trang, sinh ngày 26/10/2005 và Phạm Minh Hiệp, sinh ngày 03/02/2008. Cháu Trang đã thành niên nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị đề nghị Tòa án giao cháu Hiệp cho anh P trực tiếp nuôi. Về cấp dưỡng nuôi con, chị và anh P tự thỏa T, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Phạm Văn P đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ; Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng anh P đều vắng mặt không có lý do, không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ nên Tòa án không ghi được lời khai của anh P.

\* Tại phiên toà:

Chị T vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Anh P có mặt tại phiên toà và trình bày như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Năm 2014, anh P và chị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được sự đồng ý của hai bên gia đình, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương và có đăng ký kết hôn ngày 06/4/2005 tại Ủy ban nhân dân phường Bắc Sơn, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2024 thì xảy ra mâu thuẫn nhưng chỉ là nhỏ nhặt. Anh đã cố gắng hoà giải với chị nhưng không có kết quả. Anh chị hiện đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau về tình cảm và kinh tế. Đến nay, chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn, quan điểm của anh là đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Anh P và chị T có 02 con chung là Phạm Thị Huyền Trang, sinh ngày 26/10/2005 và Phạm Minh Hiệp, sinh ngày 03/02/2008. Cháu Trang đã thành niên nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh đồng ý yêu cầu của chị T, đề nghị Tòa án giao cháu Hiệp cho anh trực tiếp nuôi. Về cấp dưỡng nuôi con, anh chị tự thỏa T, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn tại giai đoạn chuẩn bị xét xử không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng, vi phạm quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56, các điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị T được ly hôn anh P. Về con chung: Con lớn là Phạm Thị Huyền Trang, sinh ngày 26/10/2005 đã thành niên nên không xem xét giải quyết. Giao con nhỏ là Phạm Minh Hiệp, sinh ngày 03/02/2008 cho anh P trực tiếp nuôi. Về cấp dưỡng nuôi con, chị T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết. Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết. Về án phí: Chị T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về pháp luật tố tụng:

+ Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

[1] Đây là vụ án về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, bị đơn cư trú tại phường Phù Liễn, thành phố Hải Phòng nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Hải Phòng quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Bộ luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hoà giải, đối thoại tại Tòa án.

+ Về sự vắng mặt của nguyên đơn:

[2] Chị Phạm Thị Minh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng chị T đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về áp dụng pháp luật nội dung:

+ Về quan hệ hôn nhân:

[3] Chị Phạm Thị Minh T và anh Phạm Văn P kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tuân theo các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nên là hôn nhân hợp pháp. Mâu thuẫn giữa chị T và anh P qua các tài liệu, chứng cứ Tòa án đã thu thập thể hiện sau khi kết hôn, anh chị sống hòa T, hạnh phúc đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, lối sống. Gia đình hai bên đã hoà giải nhưng không có kết quả. Chị T và anh P đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau về tình cảm và kinh tế. Xét mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình mà ở đó vợ chồng phải biết yêu thương, tôn trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, phải được xây dựng trên nền tảng tình cảm, sự nỗ lực từ hai phía của cả vợ và chồng. Trên thực tế, quan hệ hôn nhân của chị T và anh P đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được. Tại phiên toà, anh P đồng ý ly hôn. Vì vậy, có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

+ Về con chung:

[4] Chị Phạm Thị Minh T và anh Phạm Văn P có 02 con chung là Phạm Thị Huyền Trang, sinh ngày 26/10/2005 và Phạm Minh Hiệp, sinh ngày 03/02/2008. Cháu Trang đã thành niên nên không xem xét giải quyết. Chị đề nghị Tòa án giao cháu Hiệp cho anh P trực tiếp nuôi. Về cấp dưỡng nuôi con, chị và anh P tự thỏa T, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét, từ khi vợ chồng ly thân cháu Hiệp vẫn sống cùng anh P, cháu Hiệp có nguyện vọng muốn ở với bố và tại phiên toà anh P đề nghị Toà án giao cháu Hiệp cho anh nuôi, việc cấp dưỡng nuôi con anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, yêu cầu của chị T phù hợp với quy định tại các điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

+ Về tài sản chung:

[5] Chị Phạm Thị Minh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

+ Về án phí:

[6] Chị Phạm Thị Minh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Bộ luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hoà giải, đối thoại tại Toà án;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; các điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Minh T:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Minh T được ly hôn anh Phạm Văn P.

- Về con chung: Chị Phạm Thị Minh T và anh Phạm Văn P có 02 con chung là Phạm Thị Huyền Trang, sinh ngày 26/10/2005 và Phạm Minh Hiệp, sinh ngày 03/02/2008. Con lớn là Phạm Thị Huyền Trang đã thành niên nên không xem xét giải quyết. Giao con nhỏ là Phạm Minh Hiệp cho anh Phạm Văn P trực tiếp nuôi cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc khi có thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về cấp dưỡng nuôi con, chị Phạm Thị Minh T và anh Phạm Văn P tự thỏa T nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Chị Phạm Thị Minh T và anh Phạm Văn P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Chị Phạm Thị Minh T phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004961 ngày 29 tháng 4 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Kiến An, thành phố Hải Phòng (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 5 - Hải Phòng). Chị Phạm Thị Minh T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo đối với bản án:

Nguyên đơn chị Phạm Thị Minh T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Bị đơn anh Phạm Văn P được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành dân sự có quyền thỏa T thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế

thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Dương sự;
- VKSND khu vực 5 - Hải Phòng;
- Phòng THADS khu vực 5 - Hải Phòng;
- UBND phường Phù Liễn, thành phố Hải Phòng (ĐKHK ngày 06/4/2005);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Đào Thị Hảo**